TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Tiếu

2. Bà Tưởng Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Văn D, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn CT, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

2. Bị đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn CT, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2019, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nông Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn D và chị Tạ Thị L qua tự nguyện tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/02/2016. Sau ngày cưới anh D và chị L chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn CT, xã YL, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận trong thời gian đầu cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D và chị L bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trở

lên gay gắt, đỉnh điểm là khi anh D đi làm công nhân, chị L ở nhà, hai vợ chồng không đồng thuận với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị L tự ý bỏ nhà đi không về chung sống cùng gia đình anh D nữa. Anh D và chị L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn DL, xã TH, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Từ khi ly thân đến nay, anh D và chị L không còn quan hệ với nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Hiện tại anh D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh D nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị Tạ Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị L có 01 người con chung tên là Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh D. Sau khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nông Văn D xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục báo gọi chị Tạ Thị L đến Tòa án để giải quyết việc anh Nông Văn D yêu cầu ly hôn nhưng chị L đều không có mặt. Anh D cung cấp thông tin hiện chị L đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn D Lễ, xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ và theo lời khai của ông Tạ Văn P (bố đẻ của chị Tạ Thị L) cung cấp thì anh D và chị L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới anh D, chị L sinh sống cùng bố mẹ đẻ của anh D tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Phích cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D và chị L là do anh D đánh đập chị L nên chị L bỏ nhà đi. Chị L và anh D sống ly thân được khoảng 02 năm nay. Hiện chị L đã về quê sinh sống với gia đình ông và đi làm việc ở tỉnh Bắc Giang, chị L làm công việc tự do nên ông không có địa chỉ cụ thể, trong quá trình chung sống, chị L và anh D có 01 người con chung tên là Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016, hiện nay cháu N đang ở cùng anh D. Gia đình ông có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và đã thông báo cho chị L biết về việc anh D có đơn xin ly hôn, chị L nhất trí ly hôn nhưng chị L không về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên họp hòa giải và xét xử vụ án bị đơn chị Tạ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nông Văn D không còn, không thể quay về đoàn tụ được nữa nên chị L nhất trí ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh D có 01 người con chung tên là Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016, hiện nay cháu đang sống cùng anh D. Sau

khi ly hôn, chị L nhất trí để anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và chị L sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị L xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 57, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn D; Xử cho anh Nông Văn D được ly hôn với chị Tạ Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 cho anh Nông Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tạ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, đất đai, công nợ chung anh D và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nông Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Nông Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Tạ Thị L. Chị Tạ Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CT, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn D và chị Tạ Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; Có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2016 tại UBND xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh D và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả hai đương

sự đều xác định cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh D chị L tại địa phương phù hợp với lời khai của hai bên đương sự, cụ thể: Hiện nay anh D và chị L không còn chung sống với nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh Thái Bình. Thời gian ly thân đã lâu, chị L có về thăm con chung nhưng rồi đi ngay, không về chung sống với anh D. Như vậy, từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, vợ chồng anh D và chị L đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh D, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn D, xử cho anh D được ly hôn với chị Tạ Thị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị L có 01 người con chung tên là Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016. Quá trình giải quyết vụ án anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L nhất trí để anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và sẽ có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả hai đương sự đều có quan điểm đề nghị HĐXX giao cháu Nông Thảo N cho anh Nông Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Từ khi vợ chồng anh D chị L ly thân đến nay, cháu N vẫn ở với anh D, cuộc sống và việc học tập của cháu đã ổn định. Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh D thì hiện anh D đang làm công nhân tại Công ty DREAMTECH, địa chỉ: Số 02 đường 9 Khu công nghiệp VISIP, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, có thu nhập ổn định, anh D đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn CT, xã YL, điều kiện về chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng nên anh D có đủ điều kiện cho việc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu N cho anh Nông Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, do vậy chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh D và chị L cùng xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nông Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của anh Nông Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn D được ly hôn với chị Tạ Thị L. Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thảo N, sinh ngày 05/6/2016 cho anh Nông Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Tạ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Nông Văn D phải nộp 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0001913, ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Tạ Thị L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nông Văn D và chị Tạ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Hạnh Quỳnh